TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP.ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Xuân Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Ngô Hồng Khánh
Bà Trần Thị Thương
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2018 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Bà Tán Thị Kim A, sinh năm 1973; HKTT: thôn B, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ cư trú: Tổ 3, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.
- Bị đơn: Ông Đặng Công H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: thôn B, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25/5/2018, lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cũng như ý kiến trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là bà Tán Thị Kim A như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng Công H cưới nhau từ năm 1993 nhưng tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển 01). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thôn B, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu, vợ chồng bà sống đã không có hạnh phúc. Ngày 04/6/1997, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn nguyên nhân là bà không sinh con trai để nối dõi tông đường nên ông H nhiều lần uống rượu bê tha, đánh đập vợ thương tích nhưng bà vẫn cốc gắng chịu đựng vượt quá. Sau này, bà sinh được một con trai nhưng ông H vẫn

đánh đập, hành hạ vợ con, không chịu đựng được nên bà dẫn con ra sống riêng cho đến nay đã gần 05 năm. Nay bà xác định không còn yêu thương ông H nữa nên xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Công H.

2. Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà có 03 con chung là Đặng Thị Hoài T, sinh ngày 08/01/1994; Đặng Công T, sinh ngày 07/8/1998 và Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 05/9/2001. Cháu Đặng Thị Hoài T đã lập gia đình, cháu Đặng Công T đang đi bộ đội, cả hai cháu đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu gì, riêng cháu Đặng Thị Hoài T1 còn nhỏ nên khi ly hôn bà xin được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Đặng Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng đều vắng mặt và không có bản tự khai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A, cho bà A được ly hôn với ông H. Về con chung: Con Đặng Thị Hoài T và Đặng Công T đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến. Giao con Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 05/9/2001 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn xin xác nhận; Đơn khởi kiện, bản sao: trích lục kết hôn, trích lục khai sinh con, CMND bà A, bản tự khai của bà A, biên bản xác minh mâu thuẫn vợ chồng; ý kiến của cháu Đặng Thị Hoài T1.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa bà Tán Thị Kim A và ông Đặng Công H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, không ai xuất trình thêm chứng cứ, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Thủ tục tố tụng đã đảm bảo nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tán Thị Kim A và ông Đặng Công H đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng giấy chứng nhận kết hôn số 29 quyển 01) là đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên có giá trị pháp lý. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do lúc đầu không sinh được con trai nối dõi nên ông H thường xuyên uống rượu về đánh đập bà A. Một thời gian sau bà A sinh được con trai nhưng vẫn bị đánh đập, hành hạ nên bà A đã ly thân ra sống riêng được 05 năm. Hiện nay, bà A không còn quan tâm, tình cảm gì với ông H, đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng không thể níu kéo được nữa nên Tòa án căn cứ Điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông H.

[3] Về quan hệ con chung: Có 03 con chung là Đặng Thị Hoài T, sinh ngày 08/01/1994; Đặng Công T, sinh ngày 07/8/1998 và Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 05/9/2001. . Riêng Cháu Đặng Thị Hoài T và Đặng Công T đã đủ 18 tuổi nên bà A không có yêu cầu gì. Ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì trong khi đó bà A yêu cầu được nuôi con Đặng Thị Hoài T1 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Thu có nguyện vọng được ở với mẹ, hơn nữa cháu đang sống ổn định cùng bà A nên không nhất thiết làm xáo trộn cuộc sống, học tập của cháu. Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và giao đình, giao con Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 05/9/2001 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà A.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6419 ngày 25/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều

228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Tán Thị Kim A và ông Đặng Công H.

2. Về nuôi con chung: có 03 con chung là Đặng Thị Hoài T, sinh ngày 08/01/1994; Đặng Công T, sinh ngày 07/8/1998 và Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 05/9/2001. Riêng Cháu Đặng Thị Hoài T và Đặng Công T đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến. Giao con Đặng Thị Hoài T1, sinh ngày 05/9/2001 cho bà Tán Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đặng Công H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cho bà A. Bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Tán Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6419 ngày 25/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS H.Hòa Vang;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**